

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 11-11-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thào A Chư.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 21 tháng 10 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quách Công S**; Sinh ngày 10/11/1990 tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: TK, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Quách Công Đ, sinh năm 1968 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1972, hiện nay đều cư trú tại TK, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; Bị cáo có vợ Lò Thị N, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn nhất 09 tuổi, con nhỏ nhất 05 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 18/5/2021 đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

Chị Lê Thị H; Sinh năm 1969; Địa chỉ: TK, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt;

Chị Lê Thị Hà L; Sinh năm 1990; Địa chỉ: TK, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt;

Chị Lò Thị N; Sinh năm 1994; Địa chỉ: TK, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Danh H; sinh năm 1958; Địa chỉ: TK, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi Cướp tài sản của Quách Công S:

Lò Thị N được chị Lê Thị H giao cho trách nhiệm quản lý hàng hóa, tiền bán hàng, còn Quách Công S có trách nhiệm quản lý xe ô tô và lái xe. Ngày 16/5/2021, Quách Công S lái 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO, loại xe tải đông lạnh, biển kiểm soát: 26C-004.28 cùng Lò Thị N chở hàng đông lạnh đi giao hàng cho khách của chị H tại huyện B và huyện P, tỉnh Sơn La. Chiếc xe ô tô trên là xe của Lê Thị Hà L là con gái của chị H. Sau khi giao hàng tại huyện B xong, S, N đi huyện P giao hàng, trong lúc N giao hàng cho khách tại một cửa hàng ở thị trấn P, S ra một quán nước vỉa hè ngồi đợi thì nghe hai người đàn ông ngồi bàn bên cạnh nói chuyện với nhau về một ứng dụng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa trên mạng. S sang hỏi hai người đàn ông đó là ứng dụng gì thì một người nói là ứng dụng SVIP68 hay SVIP78, qua nói chuyện với S hai người đàn ông giới thiệu nhà ở huyện B đồng thời rủ S đánh bạc với hai người đàn ông trên ứng dụng đó, S đồng ý và hẹn hai người đàn ông đó lên bờ hồ thị trấn B để đánh bạc, thống nhất xong hai người đàn ông lên huyện B trước đợi S, sau khi N giao hàng xong thì S, N quay về huyện B. Khi đi đến địa phận bản N, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La, do cần tiền đánh bạc nên S đã nảy sinh ý định cướp số tiền hàng của chị H do N thu ở huyện P để quản lý, S bảo N đưa cho S số tiền hàng của chị H, S nói dối với N là để chuyển cho bạn vay khi nào bạn trả lại sẽ đưa cho N nhưng N không đồng ý. Khi thấy N từ chối, S dùng tay phải tát vào đầu N, tay trái vẫn điều khiển xe đồng thời đe dọa nếu N không đưa tiền sẽ lao xe xuống vực để cả hai cùng chết. Vừa nói S vừa dùng tay phải giật túi xách đựng tiền trên đùi của N, giật hai đến ba lần thì giật được túi xách đựng tiền, S lấy toàn bộ số tiền hàng là 38.398.000 đồng (Ba tám triệu ba trăm chín tám nghìn đồng) cất vào trong túi quần đang mặc đồng thời ném túi xách cho N.

2. Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Quách Công S:

Ngoài việc thực hiện hành vi Cướp tài sản, Quách Công S còn thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Cùng ngày 16/5/2021 sau khi giao hàng tại huyện P xong, Quách Công S và Lò Thị N đi xe đến thị trấn B, trong lúc Nhảy vào cửa hàng tạp hóa T để lấy tiền hàng, S điều khiển xe ra bờ hồ thị trấn B gặp hai người đàn ông hẹn S để đánh bạc trước đó, đánh được khoảng 30 phút thì S thua toàn bộ số tiền 38.398.000 đồng (Ba tám triệu ba trăm chín tám nghìn đồng). Sau đó S điều khiển xe ô tô quay lại đón N. Vì cần tiền để đánh bạc nên S nảy sinh ý định đem chiếc xe ô tô của chị H đi cầm cố lấy tiền đánh bạc. S điều khiển xe đến hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Danh H, trú tại: TK, thị trấn B, huyện B để cầm cố chiếc xe ô tô của chị H. Sơn cầm cố chiếc xe ô tô tại hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Danh H 03 lần:

Lần thứ nhất: Quách Công S một mình cầm đăng ký xe ô tô mang tên Lê Thị Hà L và giấy phép lái xe của S vào đặt vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô với ông H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). S nói dối ông H chiếc xe ô tô là của vợ S tên là Lê Thị Hà L đang ngồi đợi ở ngoài xe ô tô, H đồng ý cho S cầm cố nhưng đề nghị S phải bảo vợ S cùng ký vào giấy biên nhận cầm đồ, S đã quay lên

xe ô tô bảo N vào hiệu cầm đồ ông H để cầm cố chiếc ô tô của chị H lấy tiền gửi cho bạn vay do bạn bị tai nạn đang cần tiền nhưng N không đồng ý, ngay lập tức S đã dùng tay phải bóp cổ và đe dọa sẽ lao xe xuống cống để cả hai cùng chết, do sợ hãi nên N đồng ý, trên đường từ xe ô tô vào hiệu cầm đồ S dặn N khi ký vào giấy biên nhận cầm đồ thì phải ký tên là Lê Thị Hà L là người đứng tên trong giấy đăng ký xe. Khi N vào hiệu cầm đồ ông H tin tưởng N chính là Lê Thị Hà L chủ sở hữu xe nên đã đồng ý và đưa cho S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền S nói dối là cầm tiền đi cho bạn, N ngồi trong ô tô đợi, S ra gặp hai người đàn ông ở bờ hồ rồi đánh bạc hết số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). S bảo hai người đàn ông đợi để S đi vay tiền quay lại đánh bạc tiếp.

Lần thứ hai: S quay lại hiệu cầm đồ, một mình đi vào gặp ông H và đề nghị cầm cố chiếc xe ô tô thêm số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), ông H đồng ý, nhận được tiền, S ra gặp hai người đàn ông ở bờ hồ và tiếp tục đánh bạc với hai người đàn ông đó hết. S lại hẹn hai người đàn ông đợi S để đi vay tiền rồi sẽ quay lại đánh bạc.

Lần thứ ba: S quay lại hiệu cầm đồ một mình vào gặp ông H đặt vấn đề cầm cố thêm 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng nữa), H đồng ý và nói sẽ viết lại giấy biên nhận cầm đồ cho cả ba lần cầm cố là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và bảo S, N đều phải ký vào giấy biên nhận cầm đồ nên S đã lên xe ô tô nói với N vào ký tiếp vào giấy biên nhận cầm đồ để S cầm cố thêm tiền cho bạn vay, N không đồng ý thì S dùng tay phải túm tóc N đồng thời tiếp tục đe dọa sẽ lao xe xuống cống, N sợ hãi đồng ý. Sau đó S, N vào gặp ông H và ký vào giấy biên nhận cầm đồ cho cả ba lần cầm cố chiếc xe ô tô là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) S được ông H đưa cho số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Nhận được tiền N quay lên xe ô tô ngồi đợi, còn S tiếp tục ra bờ hồ gặp hai người đàn ông sử dụng số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) đánh bạc hết.

Sợ bị phát hiện S đã bỏ trốn về huyện P, tỉnh Sơn La và nghỉ lại tại một nhà nghỉ không rõ địa chỉ cụ thể. Khi không thấy S quay về, N đã gọi điện thoại báo cho chị Lê Thị H biết và đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B trình báo sự việc trên. Đến 19 giờ ngày 18/5/2021 Sơn quay lên thị trấn B để tìm N thì bị Cơ quan Công an huyện B phát hiện tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với S, tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B, Quách Công S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án gồm:

- *Thu giữ của ông Nguyễn Danh H:* 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO, màu trắng, BKS: 26C- 004.28; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 011.342 mang tên Lê Thị Hà L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Quách Công S; 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Quách Công S; 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa và 01 chìa có nút bấm điều khiển xe; 01 biên lai thu lệ phí sử dụng đường bộ; 01 giấy biên nhận cầm đồ ngày 16/5/2021; 01 giấy phép kinh

doanh cá thể; 01 bản khai lý lịch; 01 bản cam kết an toàn phòng cháy, chữa cháy; 01 giấy phép bảo đảm an ninh trật tự.

- *Thu giữ của chị Lò Thị N:* 09 hóa đơn bán hàng ghi tổng số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín tám nghìn đồng) và 01 chiếc túi giả da màu nâu có kích thước 20x25cm, túi có 03 ngăn và 01 dây đeo bằng vải màu nâu

Ngày 19/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra yêu cầu định giá tài sản số 24/YC, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B tiến hành định giá xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO, màu trắng, BKS: 26C - 004.28.

Ngày 26/5/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện B có kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐĐH kết luận: *“01 Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại BONGO, loại xe tải đông lạnh, màu sơn: trắng, tải trọng hàng hóa: 1400kg, xe BKS: 26C – 004.28, xe được đăng ký lần đầu ngày 26/10/2011, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị 148.425.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng)”*.

Đối với chiếc xe ô tô BKS: 26C – 004.28 nhãn hiệu KIA BONGO, loại xe tải màu sơn trắng; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 011.342 mang tên Lê Thị Hà L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 giấy chứng nhận giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa và 01 chìa khóa có bấm nút điều khiển xe, quá trình điều tra có căn cứ xác định chiếc ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của chị Lê Thị H, ngày 26/5/2021, chị Lê Thị H có đơn xin lại chiếc xe trên, xét thấy việc Quách Công S đem chiếc xe đi cầm cố lấy tiền đánh bạc chị H không được biết, việc trả lại chiếc xe trên cho chị H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, ngày 22/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho chị H số vật chứng trên.

Vật chứng còn lại của vụ án:

- 01 túi xách giả da màu nâu, kích thước 20x25cm, túi có 03 ngăn và 01 dây đeo bằng vải màu nâu; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 310189029285; 01 giấy phép lái xe máy hạng A1, số AP555795; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 050616380 đều mang tên Quách Công S.

Đối với hành vi đánh bạc qua phần mềm với hai người đàn ông, Quách Công S không biết tên, quá trình điều tra, S đã khai nhận hành vi lấy số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) là tiền cầm cố xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28 và số tiền 38.398.000đ (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) cướp của chị Nhảy dùng để đánh bạc có dấu hiệu của tội đánh bạc quy định tại Điều 321 BLHS. Tuy nhiên, ngoài các bản tự khai, biên bản ghi lời khai cũng như biên bản hỏi cung bị cáo Quách Công S, Cơ quan CSĐT Công an huyện B không thu thập được các chứng cứ cũng như có căn cứ khác chứng minh hành vi đánh bạc của S cũng như không xác định được hai người cùng tham gia đánh bạc với S là ai. Do đó không có căn cứ xác minh, điều tra mở rộng vụ án.

Đối với Lò Thị N, quá trình điều tra xác định Quách Công S đã nói dối cầm tiền đưa cho bạn do bạn bị tai nạn S có hành vi dùng vũ lực và ép buộc N lấy danh nghĩa Lê Thị Hà L ký vào giấy mua bán, chuyển nhượng xe để S cầm cố xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO, BKS: 26C – 004.28 tại cửa hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Danh H lấy 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Do đó, không có căn cứ xác định Lò Thị N đồng phạm với Quách Công S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Việc N không tố giác với cơ quan chức năng về việc Quách Công S cầm cố xe ô tô của chị Lê Thị Hà L và khi S thực hiện hành vi cướp số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) khi N đang quản lý xét thấy S và N là vợ chồng, do đó Lò Thị N không có dấu hiệu tội Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 BLHS.

Đối với ông Nguyễn Danh H, quá trình điều tra xác định khi Quách Công S đến cầm cố xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28 cùng giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị Hà L, ông H không biết chiếc xe ô tô trên không thuộc sở hữu của S cũng như việc Lò Thị N giả danh Lê Thị Hà L ký vào giấy mua bán, chuyển nhượng xe. Tuy nhiên, việc ông H cầm cố tài sản của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó đã vi phạm vào điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình. Do đó, ngày 10/8/2021, Công an huyện B đã ra QĐ xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Danh H số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngày 24/5/2021 bị hại chị Lê Thị Hà L ủy quyền cho chị Lê Thị H tham gia trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Ngày 19/10/2021 bị hại chị Lê Thị H có đơn đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét buộc bị cáo Quách Công S bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là tiền thiệt hại do bị cáo S mang chiếc xe đi cầm cố bị tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B từ ngày 18/5/2021 đến ngày 22/6/2021. Ngoài ra chị H đề nghị Quách Công S phải trả lại số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) là số tiền hàng chị H giao cho Nhảy thu, quản lý.

Ngày 19/10/2021 chủ hiệu cầm đồ ông Nguyễn Danh H có đơn đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét buộc bị cáo Quách Công S và Lò Thị N phải trả lại toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) Sơn cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28 với ông H. Đối với lãi suất 01%/1 tháng của số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) mà Sơn cầm cố xe ô tô trên, ông H không đề nghị Sơn phải trả số tiền lãi đó.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Quách Công S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Quách Công S đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Quách Công S từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản” và từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 túi xách giả da màu nâu và 01 dây đeo bằng vải màu nâu. Trả lại cho bị cáo: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 310189029285; 01 giấy phép lái xe máy hạng A1, số AP555795; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 050616380 đều mang tên Quách Công S. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho chị H: 01 chiếc xe ô tô BKS: 26C – 004.28 nhãn hiệu KIA BONGO, loại xe tải màu sơn trắng; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 011.342 mang tên Lê Thị Hà L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 giấy chứng nhận giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa và 01 chìa khóa có bấm nút điều khiển xe.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là tiền thiệt hại do bị cáo S mang chiếc xe đi cầm cố bị tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B và số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) là số tiền hàng chị H giao cho N thu, quản lý; buộc bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho ông Nguyễn Danh H toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) S cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28.

Về án phí: Buộc bị cáo Quách Công S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Quách Công S tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại và người liên quan. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Lê Thị H trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là tiền thiệt hại do bị cáo S mang chiếc xe đi cầm cố bị tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B từ ngày 18/5/2021 đến ngày 22/6/2021. Ngoài ra đề nghị Quách Công S phải trả lại số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) là số tiền hàng chị H giao cho N thu, quản lý. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Lò Thị N trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Danh H tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) do Sơn cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28. Đối với lãi suất 01%/1 tháng của số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), Đối với lãi suất 01%/1 tháng của số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), ông Hữu không đề nghị phải trả số tiền lãi.

Lời nói cuối cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người bị hại là chị Lê Thị Hà L vắng mặt tuy nhiên chị Lê Thị Hà L đã ủy quyền cho chị Lê Thị H tham gia tố tụng (theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2021), chị L vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt chị Lê Thị Hà L đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Quách Công S, có đủ cơ sở để khẳng định:

Đối với hành vi Cướp tài sản của Quách Công S:

Ngày 16/5/2021, Quách Công S và Lò Thị N đi huyện B, huyện P, tỉnh Sơn La để giao hàng, sau khi giao hàng xong trên đường từ huyện Phù Yên về thị trấn B, Quách Công S đã dùng vũ lực cướp số tiền 38.398.000 đồng là tiền hàng chị Nhâm thu hộ chị H, đem đi đánh bạc qua ứng dụng trên điện thoại với hai người không biết tên tại khu bờ hồ thị trấn B thua hết số tiền trên. Trong quá trình điều tra, Quách Công S chưa bồi bồi hoàn được số tiền 38.398.000 đồng cho chị Lò Thị N để trả cho chị Lê Thị H.

Đối với hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Quách Công S:

Do đánh bạc cùng hai người đàn ông tại bờ hồ thị trấn huyện B bị thua, Quách Công S nảy sinh ý định thực hiện hành vi đem chiếc xe ô tô của chị H đi cầm cố lấy tiền đánh bạc, ngày 16/5/2021 tại thị trấn B Quách Công S đem chiếc xe ô tô của chị H cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của ông Nguyễn Danh H 03 lần với tổng số tiền 125.000.000 đồng, đem đi đánh bạc qua ứng dụng đánh bạc trên điện thoại với hai người không biết tên ở bờ hồ thị trấn B và bị thua hết số tiền

125.000.000 đồng. Sợ bị phát hiện S đã bỏ trốn về huyện P, tỉnh Sơn La. Đến 19 giờ ngày 18/5/2021 S quay lên thị trấn B thì bị Cơ quan Công an huyện B phát hiện tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Tại kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐĐG ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại BONGO, loại xe tải đông lạnh, màu sơn: trắng, tải trọng hàng hóa: 1400kg, xe BKS: 26C – 004.28, xe được đăng ký lần đầu ngày 26/10/2011, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị 148.425.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Quách Công S đã thực hiện hành vi phạm tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS 2015 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội danh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 168 quy định Tội cướp tài sản:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

...

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Điểm c khoản 2 Điều 175 quy định Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một tội trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi cướp cắp tài sản, cũng như lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bản thân nhưng vì ăn chơi, đua đòi, nghiện cờ bạc, háms lợi bất chính nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, vì sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm dăn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” và tại khoản 5 Điều 175 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, đang sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho số tiền 20.000.000 đồng là tiền thiệt hại do bị cáo S mang chiếc xe đi cầm cố bị tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B từ ngày

18/5/2021 đến ngày 22/6/2021. Ngoài ra đề nghị Quách Công S phải trả lại số tiền 38.398.000 đồng là số tiền hàng chị H giao cho N thu, quản lý. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 125.000.000 đồng do bị cáo S cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28. Xét yêu cầu của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở, cần chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự để xử lý.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tài sản gồm: 01 túi xách giả da màu nâu và 01 dây đeo bằng vải màu nâu là tài sản của chị Lò Thị N, chị N xác định túi đã cũ, không còn giá trị sử dụng, không đề nghị nhận lại cần chấp nhận.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 310189029285; 01 giấy phép lái xe máy hạng A1, số AP555795; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 050616380 đều mang tên Quách Công S là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo. Bị cáo đề nghị xin được nhận lại, cần chấp nhận.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho chị H: 01 chiếc xe ô tô BKS: 26C – 004.28 nhãn hiệu KIA BONGO, loại xe tải màu sơn trắng; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 011.342 mang tên Lê Thị Hà L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 giấy chứng nhận giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa và 01 chìa khóa có bấm nút điều khiển xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với Lò Thị N do Quách Công S đã nói dối cầm tiền đưa cho bạn do bạn bị tai nạn S có hành vi dùng vũ lực và ép buộc N lấy danh nghĩa Lê Thị Hà L ký vào giấy mua bán, chuyển nhượng xe để Sơn cầm cố xe ô tô. Do đó, không có căn cứ xác định Lò Thị N đồng phạm với Quách Công S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Việc N không tố giác với cơ quan chức năng về việc Quách Công S cầm cố xe ô tô của chị Lê Thị Hà L và khi S thực hiện hành vi cướp số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) khi N đang quản lý xét thấy S và N là vợ chồng, do đó Lò Thị N không có dấu hiệu tội Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 BLHS là có căn cứ.

[11] Đối với ông Nguyễn Danh H là chủ cơ sở cầm đồ, ông H là người trực tiếp giao dịch cầm đồ với Quách Công S, bản thân ông H không biết số tài sản mà S đem đến cầm cố là tài sản thuộc sở hữu của người khác. Ông H cũng không được hứa hẹn, bàn bạc gì trước với S, việc cầm đồ trên là giao dịch dân sự ngay thẳng, do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo Quách Công S không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 168; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Quách Công S phạm tội: “Cướp tài sản” và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Quách Công S 66 (Sáu mươi sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 42 (Buốn mươi hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Buộc bị cáo Quách Công S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2021 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quách Công S.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 túi xách giả da màu nâu và 01 dây đeo bằng vải màu nâu.

- Trả lại cho bị cáo Quách Công S: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 310189029285; 01 giấy phép lái xe máy hạng A1, số AP555795; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 050616380 đều mang tên Quách Công S.

- Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho chị Hằng: 01 chiếc xe ô tô BKS: 26C – 004.28 nhãn hiệu KIA BONGO, loại xe tải màu sơn trắng; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 011.342 mang tên Lê Thị Hà Li; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 giấy chứng nhận giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa và 01 chìa khóa có bấm nút điều khiển xe.

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 20/10/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là tiền thiệt hại do bị cáo S mang chiếc xe đi cầm cố bị tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B và số tiền 38.398.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) là số tiền hàng chị H giao cho N thu, quản lý; buộc bị cáo Quách Công S phải bồi thường cho ông Nguyễn Danh H toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) là số tiền bị cáo cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA BONGO BKS: 26C – 004.28.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về Án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Quách Công S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 9.169.900 đồng (chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng), tổng cộng án phí Quách Công S phải chịu là 9.369.900 đồng (chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Lê Thị Hà Linh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình của Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND, CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Cầm Ngọc Thương